

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 67/2017/HS-ST
Ngày: 25/9/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ
2. Ông Đinh Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2017/QĐXXST-HS ngày 14/9/2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T - sinh ngày 08/5/1966;

Hộ khẩu thường trú: Tổ T, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở: như trên;

Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông;

Con ông: Nguyễn Đức H (Đã chết năm 2015); Con bà: Nguyễn Thị Q (Sinh năm 1925) - Cư trú tại: Phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chồng thứ nhất: Phan Văn A (Đã chết năm 2003);

Chồng thứ hai: Nguyễn Văn T (Sinh năm 1974; Cư trú tại: Tổ T, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng);

Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2005;

Bị cáo có 07 anh em, bị cáo là thứ 5 trong gia đình;

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/7/2017 đến ngày 04/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H

Cư trú tại: Tổ T, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

2. Ông Ngô Thủy T

Cư trú tại: Tổ T, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

3. Ông Hoàng Nông C

Cư trú tại: Tổ MM, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 15 phút ngày 01 tháng 7 năm 2017 tại phòng nghỉ số 101 - Nhà nghỉ, quán karaoke TH (Tộc Tổ T, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) do Nguyễn Thị T (Sinh năm 1966; trú tại: Tổ T, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) làm chủ, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị H (Sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Xã VK, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Tạm trú: Tổ T, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) và Ngô Thủy T (Sinh năm 1981; Trú tại: Tổ T, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) đang có hành vi mua bán dâm. Tại hiện trường phát hiện: 01 áo lót nịt ngực màu đen, 01 quần lót nữ màu tím, 02 bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng của Nguyễn Thị H; 01 quần đùi và 01 quần sịp nam màu tím than, 01 áo phông màu xanh lá cây của Ngô Thủy T. Tất cả đồ vật trên để trên giường trong phòng nghỉ, còn Nguyễn Thị H và Ngô Thủy T không mặc quần áo. Vật chứng T giữ: 02 bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, Nguyễn Thị H và Ngô Thủy T khai nhận: Việc mua bán dâm diễn ra theo sự sắp xếp của Nguyễn Thị T.

Vật chứng của vụ án: Vào hồi 17 giờ 25 ngày 01/7/2017, tiến hành khám xét khẩn cấp Nhà nghỉ, quán karaoke TH T giữ: Tiền Việt Nam 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng đã qua sử dụng; 02 quyển vở kẻ ô li ghi số liệu kinh doanh T giữ tại quầy lễ tân trong phòng hát.

Trước cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Từ ngày 30/6/2017, bị cáo Nguyễn Thị T có nhận Nguyễn Thị H vào làm nhân viên tại nhà nghỉ do bị cáo đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh. Tại đây, bị cáo và H thống nhất thỏa Tận công việc của H là làm nhân viên phòng hát dưới tên gọi là V, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì trao đổi giá cả trực tiếp với T, H sẽ được T chia tiền từ việc bán dâm. Mỗi lần bán dâm, T sẽ nói với

khách giá là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và chia cho H 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền còn lại là của T. Đồng thời, H cũng được T nuôi ăn ở ngay tại quán TH.

Đến khoảng 15 giờ ngày 01/7/2017, Ngô Thủy T cùng bạn là Hoàng Nông C cùng đến quán TH uống nước và tìm mua dâm. Tại quầy lễ tân, T gặp bị cáo T và trao đổi về việc có nhu cầu mua dâm. T đồng ý và thỏa thuận giá mua dâm là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). T đồng ý và đưa cho bị cáo T 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), trong đó 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền mua dâm và 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) là tiền nước, rồi xuống phòng 101 chờ. Lúc này, H cũng ngồi tại quầy lễ tân, T bảo H đi xuống phòng 101 với T, H hiểu ý là xuống đó để bán dâm. Khi cả hai đang chuẩn bị quan hệ tình dục trong phòng nghỉ thì bị công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H khai: Trong một lần đưa con đi khám tại Hà Nội, Nguyễn Thị H có quen một người phụ nữ tên là H (Không biết tuổi địa chỉ cụ thể, chỉ biết nhà ở tỉnh Thanh Hóa). H hỏi H có muốn lên làm việc tại quán Karaoke của Nguyễn Thị T không và lấy số điện thoại của T cho H. Do muốn có tiền để trang trải cuộc sống hàng ngày nên vào ngày 29/6/2017, Nguyễn Thị H gọi điện cho bị cáo Nguyễn Thị T để xin làm việc tại quán hát, nhà nghỉ của T, hai bên thỏa thuận H làm nhân viên tại quán karaoke - nhà nghỉ và có khách đến mua dâm sẽ thực hiện hành vi bán dâm, lấy tiền chia nhau. Bà H chính thức làm nhân viên tại đây từ chiều ngày 30/6/2017.

Hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thị T đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 64/KSĐT - TA ngày 24/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm".

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố.

Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với ông Ngô Thủy T và bà Nguyễn Thị H là những người trực tiếp thực hiện hành vi mua bán dâm, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T và H về hành vi mua dâm và bán dâm.

Đối với Hoàng Nông C là người đi cùng T nhưng không thực hiện được hành vi mua dâm nên cơ quan điều tra không xử lý đối với C.

Đối với người tên H là người đã giới thiệu cho H làm việc tại nhà nghỉ TH, quá trình điều tra, H khai không biết tên tuổi, địa chỉ của H, cuộc nói chuyện giữa hai người không có ai biết nên không có đủ điều kiện để xác minh đối với H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Chứa mại dâm”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án tù 15-18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30-36 tháng. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng đối với bị cáo T; Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su; trả lại bị cáo các tài sản sau: 01 điện thoại di động, số tiền 7.900.000 đồng và 02 quyển vở kẻ ô ly do không liên quan đến việc phạm tội. Đề nghị hình phạt bổ sung: phạt tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được và hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan: Bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi chứa chấp việc mại dâm: Sử dụng địa điểm nhà nghỉ của mình để cho Nguyễn Thị H là nhân viên nhà nghỉ và Ngô Thủy T thực hiện hành vi mua dâm, bán dâm.

Về mặt chủ quan: Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo đã sử dụng địa điểm, bố trí cho Nguyễn Thị H thực hiện bán dâm, Ngô Thủy T thực hiện mua dâm. Động cơ của bị cáo Nguyễn Thị T là để kiếm tiền, tư lợi cho bản thân thể hiện qua việc thỏa thuận giữa bị cáo và H: Thu của khách mua dâm 500.000 đồng thì mỗi bên được chia 250.000 đồng.

Về mặt khách thể: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đến đời sống văn hóa, trật tự trị an xã hội.

Về mặt chủ thể: Căn cứ vào quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Thị T đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm". Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng dân dân, hành vi của bị cáo phải bị xử lý thích đáng. Do đó, Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo Nguyễn Thị T theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 254 - Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định như sau:

“1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

2...”

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội này như sau: *“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”*

Tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; theo đó, tiếp tục thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 và các quy định có lợi cho người phạm tội được áp dụng. Do đó, theo hướng có lợi cho người phạm tội thì khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt đã quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 với hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

3. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bố bị cáo là Nguyễn Đức H và mẹ bị cáo là Nguyễn Thị Q đều được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng Nhất”, bố bị cáo được tặng “Kỷ niệm chương Cờ chiến binh Việt Nam”, “Huy chương vì sự phát triển nông nghiệp”, do đó Hội đồng xét xử xét thấy đây được coi là tình tiết giảm nhẹ khác cần áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân Tối cao ngày 06/11/2013 Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử nhận định: Không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để bị cáo tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm*

trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm"; Vì vậy, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo hoạt động kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề karaoke – nhà nghỉ, có tài sản, thu nhập do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức phạt 5.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với Ngô Thủy T có hành vi mua dâm và Nguyễn Thị H có hành vi bán dâm là vi phạm hành chính nên Công an thành phố Cao Bằng xử phạt hành chính là phù hợp pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 8.400.000 đồng thu giữ đối với bị cáo (Đựng trong phong bì niêm phong, mặt trước ghi: Tiền khám xét Nguyễn Thị T - sinh năm 1966. HKTT: Tổ T, phường DT, thành phố CB. Số tiền 8.400.000 đồng. Mặt sau có 05 chữ ký, 06 dấu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Cao Bằng): Cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền Ngô Thủy T trả khi mua dâm và trả lại cho bị cáo số tiền 7.900.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Cần xử tịch thu tiêu hủy đối với 02 bao cao su bị thu giữ trong quá trình điều tra, đựng trong phong bì niêm phong mặt trước ghi 02 bao cao su thu giữ trên giường trong phòng 101 Nhà nghỉ TH. Mặt sau có 04 chữ ký, 06 dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng.

- Trả lại cho bị cáo các tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội:

+ 01 điện thoại di động bàn phím màu vàng hiệu Masstel, số IMEI 1: 355868061203585; IMEI 2: 3558680611413580.

+ 02 quyền vớ kẻ ô ly.

Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/8/2017.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "*Chứa mại dâm*".

Áp dụng khoản 1 Điều 254, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009); Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đối với bị cáo Nguyễn Thị T để sung công quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ Luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su.
- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Thị T.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T các tài sản, đồ vật sau:
 - + Số tiền 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng) (Số tiền được niêm phong trong phong bì kèm theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản), nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.
 - + 01 (một) điện thoại di động bàn phím màu vàng hiệu Masstel, số IMEI 1: 355868061203585; IMEI 2: 3558680611413580.
 - + 02 (hai) quyển vở kẻ ô ly.

Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/8/2017.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Na